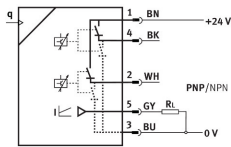
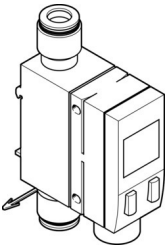


Cảm biến lưu lượng SFAB-1000U-HQ12-2SA-M12-EX2

Số bộ phận: 565409

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Giấy phép	Dấu RCM c UL us - Listed (OL)
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX) theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV theo các quy định UK RoHS
Chống cháy nổ	Vùng 2 (ATEX) Vùng 22 (ATEX)
Danh mục ATEX Khí	II 3G
Loại chống cháy nổ Khí	Ex nA IIC T5 X Gc
Danh mục ATEX Bụi	II 3D
Loại chống cháy nổ Bụi	Ex tc IIIB T80°C X Dc IP54
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	0°C ≤ Ta ≤ +50°C
Cơ quan cấp chứng chỉ	UL E322346
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Kích thước đo	Khối lượng Lưu lượng dòng chảy
Hướng dòng chảy	một chiều P1 → P2
Nguyên tắc đo lường	nhiệt
Phương pháp đo lường	Mất nhiệt
Giá trị ban đầu phạm vi đo lưu lượng	10 l/ph
Giá trị cuối phạm vi đo lưu lượng	1000 l/ph
Áp suất vận hành	0 MPA...1 MPA 0 bar...10 bar 0 psi...145 psi
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4] Nitơ
Nhiệt độ trung bình	0 °C...50 °C
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 °C...50 °C
Nhiệt độ danh nghĩa	23 °C
Độ chính xác của giá trị dòng chảy	± (3% omv + 0,3% FS)
Độ lặp lại điểm 0 trong ±% FS	0.2 %FS

Đặc tính	Giá trị
Độ chính xác lặp lại dải theo $\pm$ %FS	0.8 %FS
Hệ số nhiệt độ kẹp trong $\pm$ % FS/K	thông thường 0,1% FS/K
Phạm vi ảnh hưởng áp suất trong $\pm$ % FS / bar	0.5 %FS/bar
Đầu ra chuyển mạch	2 x PNP hoặc 2 x NPN có thể chuyển đổi
Chức năng chuyển mạch	Bộ so sánh cửa sổ Bộ so sánh ngưỡng
Chức năng phân tử chuyển mạch	Cơ cấu mở/đóng có thể chuyển đổi
Dòng điện đầu ra tối đa	100 mA
Đầu ra tương tự	4 - 20 mA
Giá trị ban đầu của đặc tính dòng chảy	0 l/ph
Giá trị cuối cùng của đặc tính dòng chảy	1000 l/ph
Giá trị ban đầu của đặc tính đầu ra	4 mA
Đường đặc tính đầu ra giá trị cuối	20 mA
Đầu ra dòng điện trở tải tối đa	500 Ohm
Chống chịu ngắn mạch	có
Khả năng chống quá tải	có sẵn
Dải điện áp hoạt động DC	15 V...30 V
Dòng điện chạy không tải	120 mA
Chống phân cực	cho tất cả các kết nối điện
Cổng nối điện 1, kiểu kết nối	Giắc cắm
Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	M12x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-101
Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây	5
Cổng nối điện 1, kiểu gắn	Khóa vít
Cổng nối điện 1, kiểu gắn tương thích	Tương thích với khóa vít có thể xoay
Kiểu gắn	với lỗ xuyên với ray DIN
Vị trí lắp đặt	bất kỳ
Cổng nối khí nén	đối với ống mềm bên ngoài Ø 12 mm
trọng lượng sản phẩm	160 g
Vật liệu vỏ	PA gia cố
Kiểu hiển thị	LCD phát sáng nhiều màu
(Các) đơn vị có thể hiển thị	l l/phút m3 scf scfm
Các tùy chọn cài đặt	Teach-In thông qua màn hình và các nút
Chống can thiệp	Mã PIN
Mức độ bảo vệ	IP65
Giảm áp suất	100 mbar
Lớp bảo vệ	III
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L